

THÔNG TIN

Hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng của thiết bị y tế thuộc loại B

Số công bố: 260000015/PCBB-ĐNa

Ngày công bố: 16/04/2026

- Tên cơ sở công bố: CÔNG TY TNHH ICT VINA
- Địa chỉ: Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, Phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng
- Số văn bản của cơ sở: 10-2026/ICTVINA-CBB Ngày: 09/04/2026
- Thiết bị y tế thuộc loại B
Tên thiết bị y tế: Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)
Tên thương mại (nếu có):
Mã Global Medical Device Nomenclature – GMDN (nếu có):
Chủng loại: Theo phụ lục

Mã sản phẩm (nếu có):
Theo phụ lục
Quy cách đóng gói:
Mục đích sử dụng: Được sử dụng trong cấy ghép nha khoa, tạo sự cân bằng thích hợp của nướu, kết nối trụ chân răng nhân tạo (Fixture) và phần răng giả cuối cùng, có vai trò trợ giúp trong phục hồi chức năng phục hình
Tên cơ sở sản xuất: Theo phụ lục
Địa chỉ cơ sở sản xuất: Theo phụ lục
Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm áp dụng: TCCS 09-6:2025/ICTVN
- Đối với thiết bị y tế chứa chất ma túy, tiền chất (nếu có):
- Thông tin về chủ sở hữu thiết bị y tế:
Tên chủ sở hữu: CÔNG TY TNHH ICT VINA
Địa chỉ chủ sở hữu: Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, VIET NAM
- Thông tin về cơ sở bảo hành (nếu có):
- Số công bố đủ điều kiện sản xuất đối với thiết bị y tế sản xuất trong nước:

230000002/PCBSX-ĐNa

9. Thành phần hồ sơ:

1	Văn bản công bố tiêu chuẩn áp dụng của thiết bị y tế thuộc loại B.	x
2	Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485	x
3	Giấy ủy quyền của chủ sở hữu thiết bị y tế	x
4	Giấy xác nhận đủ điều kiện bảo hành	x
5	Tài liệu mô tả tóm tắt kỹ thuật thiết bị y tế bằng tiếng Việt, kèm theo tài liệu kỹ thuật mô tả chức năng, thông số kỹ thuật của thiết bị y tế do chủ sở hữu thiết bị y tế ban hành.	x
6	Giấy chứng nhận hợp chuẩn hoặc bản tiêu chuẩn mà chủ sở hữu thiết bị y tế công bố áp dụng	x
7	Kết quả đánh giá các thông số hóa, lý, vi sinh và các thông số khác do cơ sở đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về đánh giá sự phù hợp cấp hoặc Giấy chứng nhận đánh giá chất lượng do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với TBYT chẩn đoán in vitro (TBYT sản xuất trong nước)	x
8	Tài liệu khác (nếu có)	x

PHỤ LỤC: BẢNG KÊ CHI TIẾT TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
1	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Cover Screw	CS34E; CS38E; CS36E; CS3810E; CS3820E; CS34; CS38; CS36; CS3810; CS3820;	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	VIET NAM
2	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	GBR Abutment	GAB3515(1); GAB3520(1); GAB3525(1); GAB3530(1); GAB3535(1); GAB3540(1); GAB3545(1); GAB3550(1); GAB3555(1); GAB3560(1);	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	VIET NAM
3	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	GBR Healing Abutment	GBHA3135; GBHAB3335; GBHA3605; GBHA3610; GBHA3615; GBHA3620; GBHAB3805; GBHAB3820;	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	VIET NAM

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			GBHAB5020; GBHAB5040; GBHAB5060;				
4	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Healing Abutment	HAB402035; HAB402070; HAB482035; HAB483050; HAB483070; HAB602035; HAB603050; HAB603070; HAB402020E; HAB402035E; HAB403050E; HAB404070E; HAB405590E; HAB452020E; HAB452035E; HAB453050E; HAB454070E; HAB455590E; HAB552020E; HAB552035E; HAB553050E; HAB554070E; HAB555590E; HAB652020E; HAB652035E; HAB653050E; HAB654070E; HAB655590E; HAB752035E; HAB753050E;	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	VIET NAM

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			HAB755590E; HAB852035E; HAB853050E; HAB855590E; HAB952035E; HAB953050E; HAB955590E; HAB402020L; HAB402035L; HAB403050L; HAB404070L; HAB452020L; HAB452035L; HAB453050L; HAB454070L; HAB552020L; HAB552035L; HAB553050L; HAB554070L; HAB652020L; HAB652035L; HAB653050L; HAB654070L; HAB752035L; HAB753050L; HAB754070L; HAB852035L; HAB853050L; HAB854070L; HAB952035L; HAB953050L; HAB954070L; HAB703050L;				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			HAB703050E;				
5	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Combi Abutment	CAB4510L; CAB4515L; CAB4525L; CAB4535L; CAB4545L; CAB4555L; CAB5515L; CAB5525L; CAB5535L; CAB5545L; CAB5555L; CAB6515L; CAB6525L; CAB6535L; CAB6545L; CAB6555L; CAB4510LE; CAB4515LE; CAB4525LE; CAB4535LE; CAB4545LE; CAB4555LE; CAB5515LE; CAB5525LE; CAB5535LE; CAB5545LE; CAB5555LE; CAB6515LE; CAB6525LE; CAB6535LE; CAB6545LE; CAB6555LE;	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	VIET NAM

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			CAB4510SL; CAB4515SL; CAB4525SL; CAB4535SL; CAB4545SL; CAB4555SL; CAB5515SL; CAB5525SL; CAB5535SL; CAB5545SL; CAB5555SL; CAB6515SL; CAB6525SL; CAB6535SL; CAB6545SL; CAB6555SL; CAB4510SLE; CAB4515SLE; CAB4525SLE; CAB4535SLE; CAB4545SLE; CAB4555SLE; CAB5515SLE; CAB5525SLE; CAB5535SLE; CAB5545SLE; CAB5555SLE; CAB6515SLE; CAB6525SLE; CAB6535SLE; CAB6545SLE; CAB6555SLE; CAB482055;				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			CAB483055; CAB484555; CAB602055; CAB603055; CAB604555; CAB482055E; CAB483055E; CAB484555E; CAB602055E; CAB603055E; CAB604555E; CAB451070L; CAB451570L; CAB452570L; CAB453570L; CAB454570L; CAB455570L; CAB551570L; CAB552570L; CAB553570L; CAB554570L; CAB555570L; CAB651570L; CAB652570L; CAB653570L; CAB654570L; CAB655570L; CAB451070LE; CAB451570LE; CAB452570LE; CAB453570LE; CAB454570LE; CAB455570LE;				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			CAB551570LE; CAB552570LE; CAB553570LE; CAB554570LE; CAB555570LE; CAB651570LE; CAB652570LE; CAB653570LE; CAB654570LE; CAB655570LE; CAB4510; CAB4515; CAB4525; CAB4535; CAB4545; CAB4555; CAB5515; CAB5525; CAB5535; CAB5545; CAB5555; CAB6515; CAB6525; CAB6535; CAB6545; CAB6555; CAB4510E; CAB4515E; CAB4525E; CAB4535E; CAB4545E; CAB4555E; CAB5515E;				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			CAB5525E; CAB5535E; CAB5545E; CAB5555E; CAB6515E; CAB6525E; CAB6535E; CAB6545E; CAB6555E; CAB4510S; CAB4515S; CAB4525S; CAB4535S; CAB4545S; CAB4555S; CAB5515S; CAB5525S; CAB5535S; CAB5545S; CAB5555S; CAB6515S; CAB6525S; CAB6535S; CAB6545S; CAB6555S; CAB4510SE; CAB4515SE; CAB4525SE; CAB4535SE; CAB4545SE; CAB4555SE; CAB5515SE; CAB5525SE;				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			CAB5535SE; CAB5545SE; CAB5555SE; CAB6515SE; CAB6525SE; CAB6535SE; CAB6545SE; CAB6555SE;				
6	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Dual Abutment	DAB4810H(1); DAB4820H(1); DAB4830H(1); DAB4845H(1); DAB6010H(1); DAB6020H(1); DAB6030H(1); DAB6045H(1); DAB4810HE(1); DAB4820HE(1); DAB4830HE(1); DAB4845HE(1); DAB6010HE(1); DAB6020HE(1); DAB6030HE(1); DAB6045HE(1); DAB4810N(1); DAB4820N(1); DAB4830N(1); DAB4845N(1); DAB6010N(1); DAB6020N(1); DAB6030N(1); DAB6045N(1); DAB4810NE(1);	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	VIET NAM

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			DAB4820NE(1); DAB4830NE(1); DAB4845NE(1); DAB6010NE(1); DAB6020NE(1); DAB6030NE(1); DAB6045NE(1); DAB4510HL(1); DAB4515HL(1); DAB4525HL(1); DAB4535HL(1); DAB4545HL(1); DAB4555HL(1); DAB5515HL(1); DAB5525HL(1); DAB5535HL(1); DAB5545HL(1); DAB5555HL(1); DAB6515HL(1); DAB6525HL(1); DAB6535HL(1); DAB6545HL(1); DAB6555HL(1); DAB4510HLE(1); DAB4515HLE(1); DAB4525HLE(1); DAB4535HLE(1); DAB4545HLE(1); DAB4555HLE(1); DAB5515HLE(1); DAB5525HLE(1); DAB5535HLE(1); DAB5545HLE(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			DAB5555HLE(1); DAB6515HLE(1); DAB6525HLE(1); DAB6535HLE(1); DAB6545HLE(1); DAB6555HLE(1); DAB451070HL(1); DAB451570HL(1); DAB452570HL(1); DAB453570HL(1); DAB454570HL(1); DAB455570HL(1); DAB551570HL(1); DAB552570HL(1); DAB553570HL(1); DAB554570HL(1); DAB555570HL(1); DAB651570HL(1); DAB652570HL(1); DAB653570HL(1); DAB654570HL(1); DAB655570HL(1); DAB451070HLE(1); DAB451570HLE(1); DAB452570HLE(1); DAB453570HLE(1); DAB454570HLE(1); DAB455570HLE(1); DAB551570HLE(1); DAB552570HLE(1); DAB553570HLE(1); DAB554570HLE(1); DAB555570HLE(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			DAB651570HLE(1); DAB652570HLE(1); DAB653570HLE(1); DAB654570HLE(1); DAB655570HLE(1); DAB4510HSL(1); DAB4515HSL(1); DAB4525HSL(1); DAB4535HSL(1); DAB4545HSL(1); DAB4555HSL(1); DAB5515HSL(1); DAB5525HSL(1); DAB5535HSL(1); DAB5545HSL(1); DAB5555HSL(1); DAB6515HSL(1); DAB6525HSL(1); DAB6535HSL(1); DAB6545HSL(1); DAB6555HSL(1); DAB4510HSLE(1); DAB4515HSLE(1); DAB4525HSLE(1); DAB4535HSLE(1); DAB4545HSLE(1); DAB4555HSLE(1); DAB5515HSLE(1); DAB5525HSLE(1); DAB5535HSLE(1); DAB5545HSLE(1); DAB5555HSLE(1); DAB6515HSLE(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			DAB6525HSLE(1); DAB6535HSLE(1); DAB6545HSLE(1); DAB6555HSLE(1); DAB4510NSL(1); DAB4515NSL(1); DAB4525NSL(1); DAB4535NSL(1); DAB4545NSL(1); DAB4555NSL(1); DAB5515NSL(1); DAB5525NSL(1); DAB5535NSL(1); DAB5545NSL(1); DAB5555NSL(1); DAB6515NSL(1); DAB6525NSL(1); DAB6535NSL(1); DAB6545NSL(1); DAB6555NSL(1); DAB4510NSLE(1); DAB4515NSLE(1); DAB4525NSLE(1); DAB4535NSLE(1); DAB4545NSLE(1); DAB4555NSLE(1); DAB5515NSLE(1); DAB5525NSLE(1); DAB5535NSLE(1); DAB5545NSLE(1); DAB5555NSLE(1); DAB6515NSLE(1); DAB6525NSLE(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			DAB6535NSLE(1); DAB6545NSLE(1); DAB6555NSLE(1); DAB4510NL(1); DAB4515NL(1); DAB4525NL(1); DAB4535NL(1); DAB4545NL(1); DAB4555NL(1); DAB5515NL(1); DAB5525NL(1); DAB5535NL(1); DAB5545NL(1); DAB5555NL(1); DAB6515NL(1); DAB6525NL(1); DAB6535NL(1); DAB6545NL(1); DAB6555NL(1); DAB4510NLE(1); DAB4515NLE(1); DAB4525NLE(1); DAB4535NLE(1); DAB4545NLE(1); DAB4555NLE(1); DAB5515NLE(1); DAB5525NLE(1); DAB5535NLE(1); DAB5545NLE(1); DAB5555NLE(1); DAB6515NLE(1); DAB6525NLE(1); DAB6535NLE(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			DAB6545NLE(1); DAB6555NLE(1); DAB451070NL(1); DAB451570NL(1); DAB452570NL(1); DAB453570NL(1); DAB454570NL(1); DAB455570NL(1); DAB551570NL(1); DAB552570NL(1); DAB553570NL(1); DAB554570NL(1); DAB555570NL(1); DAB651570NL(1); DAB652570NL(1); DAB653570NL(1); DAB654570NL(1); DAB655570NL(1); DAB451070NLE(1); DAB451570NLE(1); DAB452570NLE(1); DAB453570NLE(1); DAB454570NLE(1); DAB455570NLE(1); DAB551570NLE(1); DAB552570NLE(1); DAB553570NLE(1); DAB554570NLE(1); DAB555570NLE(1); DAB651570NLE(1); DAB652570NLE(1); DAB653570NLE(1); DAB654570NLE(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			DAB655570NLE(1); DAB4510HT(1); DAB4515HT(1); DAB4525HT(1); DAB4535HT(1); DAB4545HT(1); DAB4555HT(1); DAB5515HT(1); DAB5525HT(1); DAB5535HT(1); DAB5545HT(1); DAB5555HT(1); DAB6515HT(1); DAB6525HT(1); DAB6535HT(1); DAB6545HT(1); DAB6555HT(1); DAB4510NT(1); DAB4515NT(1); DAB4525NT(1); DAB4535NT(1); DAB4545NT(1); DAB4555NT(1); DAB5515NT(1); DAB5525NT(1); DAB5535NT(1); DAB5545NT(1); DAB5555NT(1); DAB6515NT(1); DAB6525NT(1); DAB6535NT(1); DAB6545NT(1); DAB6555NT(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			DAB4510HS(1); DAB4515HS(1); DAB4525HS(1); DAB4535HS(1); DAB4545HS(1); DAB4555HS(1); DAB5515HS(1); DAB5525HS(1); DAB5535HS(1); DAB5545HS(1); DAB5555HS(1); DAB6515HS(1); DAB6525HS(1); DAB6535HS(1); DAB6545HS(1); DAB6555HS(1); DAB4510HSE(1); DAB4515HSE(1); DAB4525HSE(1); DAB4535HSE(1); DAB4545HSE(1); DAB4555HSE(1); DAB5515HSE(1); DAB5525HSE(1); DAB5535HSE(1); DAB5545HSE(1); DAB5555HSE(1); DAB6515HSE(1); DAB6525HSE(1); DAB6535HSE(1); DAB6545HSE(1); DAB6555HSE(1); DAB4510H(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			DAB4515H(1); DAB4525H(1); DAB4535H(1); DAB4545H(1); DAB4555H(1); DAB5515H(1); DAB5525H(1); DAB5535H(1); DAB5545H(1); DAB5555H(1); DAB6515H(1); DAB6525H(1); DAB6535H(1); DAB6545H(1); DAB6555H(1); DAB4510HE(1); DAB4515HE(1); DAB4525HE(1); DAB4535HE(1); DAB4545HE(1); DAB4555HE(1); DAB5515HE(1); DAB5525HE(1); DAB5535HE(1); DAB5545HE(1); DAB5555HE(1); DAB6515HE(1); DAB6525HE(1); DAB6535HE(1); DAB6545HE(1); DAB6555HE(1); DAB451070H(1); DAB451570H(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			DAB452570H(1); DAB453570H(1); DAB454570H(1); DAB455570H(1); DAB551570H(1); DAB552570H(1); DAB553570H(1); DAB554570H(1); DAB555570H(1); DAB651570H(1); DAB652570H(1); DAB653570H(1); DAB654570H(1); DAB655570H(1); DAB451070HE(1); DAB451570HE(1); DAB452570HE(1); DAB453570HE(1); DAB454570HE(1); DAB455570HE(1); DAB551570HE(1); DAB552570HE(1); DAB553570HE(1); DAB554570HE(1); DAB555570HE(1); DAB651570HE(1); DAB652570HE(1); DAB653570HE(1); DAB654570HE(1); DAB655570HE(1); DAB4510NS(1); DAB4515NS(1); DAB4525NS(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			DAB4535NS(1); DAB4545NS(1); DAB4555NS(1); DAB5515NS(1); DAB5525NS(1); DAB5535NS(1); DAB5545NS(1); DAB5555NS(1); DAB6515NS(1); DAB6525NS(1); DAB6535NS(1); DAB6545NS(1); DAB6555NS(1); DAB4510NSE(1); DAB4515NSE(1); DAB4525NSE(1); DAB4535NSE(1); DAB4545NSE(1); DAB4555NSE(1); DAB5515NSE(1); DAB5525NSE(1); DAB5535NSE(1); DAB5545NSE(1); DAB5555NSE(1); DAB6515NSE(1); DAB6525NSE(1); DAB6535NSE(1); DAB6545NSE(1); DAB6555NSE(1); DAB4510N(1); DAB4515N(1); DAB4525N(1); DAB4535N(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			DAB4545N(1); DAB4555N(1); DAB5515N(1); DAB5525N(1); DAB5535N(1); DAB5545N(1); DAB5555N(1); DAB6515N(1); DAB6525N(1); DAB6535N(1); DAB6545N(1); DAB6555N(1); DAB4510NE(1); DAB4515NE(1); DAB4525NE(1); DAB4535NE(1); DAB4545NE(1); DAB4555NE(1); DAB5515NE(1); DAB5525NE(1); DAB5535NE(1); DAB5545NE(1); DAB5555NE(1); DAB6515NE(1); DAB6525NE(1); DAB6535NE(1); DAB6545NE(1); DAB6555NE(1); DAB451070N(1); DAB451570N(1); DAB452570N(1); DAB453570N(1); DAB454570N(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			DAB455570N(1); DAB551570N(1); DAB552570N(1); DAB553570N(1); DAB554570N(1); DAB555570N(1); DAB651570N(1); DAB652570N(1); DAB653570N(1); DAB654570N(1); DAB655570N(1); DAB451070NE(1); DAB451570NE(1); DAB452570NE(1); DAB453570NE(1); DAB454570NE(1); DAB455570NE(1); DAB551570NE(1); DAB552570NE(1); DAB553570NE(1); DAB554570NE(1); DAB555570NE(1); DAB651570NE(1); DAB652570NE(1); DAB653570NE(1); DAB654570NE(1); DAB655570NE(1); DAB4020H(1); DAB4020N(1); DAB4020HE(1); DAB4020NE(1);				
7	Thân răng nhân tạo dùng trong nha	Custom Abutment	CDAB4505H(1); CDAB4510H(1);	Đóng gói sản phẩm vào lọ	CÔNG TY TNHH ICT	Lô A18-1, A19, Đường số 12,	VIET NAM

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
	khoa (Dòng SuperLine)		CDAB4515H(1); CDAB4520H(1); CDAB4525H(1); CDAB4530H(1); CDAB4535H(1); CDAB4540H(1); CDAB4545H(1); CDAB4550H(1); CDAB4555H(1); CDAB5505H(1); CDAB5510H(1); CDAB5515H(1); CDAB5520H(1); CDAB5525H(1); CDAB5530H(1); CDAB5535H(1); CDAB5540H(1); CDAB5545H(1); CDAB5550H(1); CDAB5555H(1); CDAB6505H(1); CDAB6510H(1); CDAB6515H(1); CDAB6520H(1); CDAB6525H(1); CDAB6530H(1); CDAB6535H(1); CDAB6540H(1); CDAB6545H(1); CDAB6550H(1); CDAB6555H(1); CDAB4505N(1); CDAB4510N(1);	nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)	VINA	Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			CDAB4515N(1); CDAB4520N(1); CDAB4525N(1); CDAB4530N(1); CDAB4535N(1); CDAB4540N(1); CDAB4545N(1); CDAB4550N(1); CDAB4555N(1); CDAB5505N(1); CDAB5510N(1); CDAB5515N(1); CDAB5520N(1); CDAB5525N(1); CDAB5530N(1); CDAB5535N(1); CDAB5540N(1); CDAB5545N(1); CDAB5550N(1); CDAB5555N(1); CDAB6505N(1); CDAB6510N(1); CDAB6515N(1); CDAB6520N(1); CDAB6525N(1); CDAB6530N(1); CDAB6535N(1); CDAB6540N(1); CDAB6545N(1); CDAB6550N(1); CDAB6555N(1); CDAB4505HE(1); CDAB4515HE(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			CDAB5510HE(1); CDAB5520HE(1); CDAB4505NE(1); CDAB4515NE(1); CDAB5510NE(1); CDAB5520NE(1); CDAB4510NE(1); CDAB4520NE(1); CDAB4525NE(1); CDAB4530NE(1); CDAB4535NE(1); CDAB4540NE(1); CDAB4545NE(1); CDAB4550NE(1); CDAB4555NE(1); CDAB5505NE(1); CDAB5515NE(1); CDAB5525NE(1); CDAB5530NE(1); CDAB5535NE(1); CDAB5540NE(1); CDAB5545NE(1); CDAB5550NE(1); CDAB5555NE(1); CDAB6505NE(1); CDAB6510NE(1); CDAB6515NE(1); CDAB6520NE(1); CDAB6525NE(1); CDAB6530NE(1); CDAB6535NE(1); CDAB6540NE(1); CDAB6545NE(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			CDAB6550NE(1); CDAB6555NE(1);				
8	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Dual Milling Abutment	DAB40105HG(1); DAB40155HG(1); DAB40205HG(1); DAB40255HG(1); DAB40305HG(1); DAB40355HG(1); DAB40405HG(1); DAB45106HG(1); DAB45156HG(1); DAB45206HG(1); DAB45256HG(1); DAB45306HG(1); DAB45356HG(1); DAB45406HG(1); DAB55107HG(1); DAB55157HG(1); DAB55207HG(1); DAB55257HG(1); DAB55307HG(1); DAB55357HG(1); DAB55407HG(1); DAB65108HG(1); DAB65158HG(1); DAB65208HG(1); DAB65258HG(1); DAB65308HG(1); DAB65358HG(1); DAB65408HG(1); DAB75109HG(1); DAB75159HG(1); DAB75209HG(1);	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	VIET NAM

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			DAB75259HG(1); DAB75309HG(1); DAB75359HG(1); DAB75409HG(1); DAB85109HG(1); DAB85159HG(1); DAB85209HG(1); DAB85259HG(1); DAB85309HG(1); DAB85359HG(1); DAB85409HG(1); DAB95109HG(1); DAB95159HG(1); DAB95209HG(1); DAB95259HG(1); DAB95309HG(1); DAB95359HG(1); DAB95409HG(1); DAB45056HG(1); DAB55057HG(1); DAB65058HG(1); DAB40105NG(1); DAB40155NG(1); DAB40205NG(1); DAB40255NG(1); DAB40305NG(1); DAB40355NG(1); DAB40405NG(1); DAB45106NG(1); DAB45156NG(1); DAB45206NG(1); DAB45256NG(1); DAB45306NG(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			DAB45356NG(1); DAB45406NG(1); DAB55107NG(1); DAB55157NG(1); DAB55207NG(1); DAB55257NG(1); DAB55307NG(1); DAB55357NG(1); DAB55407NG(1); DAB65108NG(1); DAB65158NG(1); DAB65208NG(1); DAB65258NG(1); DAB65308NG(1); DAB65358NG(1); DAB65408NG(1); DAB75109NG(1); DAB75159NG(1); DAB75209NG(1); DAB75259NG(1); DAB75309NG(1); DAB75359NG(1); DAB75409NG(1); DAB85109NG(1); DAB85159NG(1); DAB85209NG(1); DAB85259NG(1); DAB85309NG(1); DAB85359NG(1); DAB85409NG(1); DAB95109NG(1); DAB95159NG(1); DAB95209NG(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			DAB95259NG(1); DAB95309NG(1); DAB95359NG(1); DAB95409NG(1); DAB45056NG(1); DAB55057NG(1); DAB65058NG(1); DAB40105NL(1); DAB40155NL(1); DAB40205NL(1); DAB40255NL(1); DAB40305NL(1); DAB40355NL(1); DAB40405NL(1); DAB45106NL(1); DAB45156NL(1); DAB45206NL(1); DAB45256NL(1); DAB45306NL(1); DAB45356NL(1); DAB45406NL(1); DAB55107NL(1); DAB55157NL(1); DAB55207NL(1); DAB55257NL(1); DAB55307NL(1); DAB55357NL(1); DAB55407NL(1); DAB65108NL(1); DAB65158NL(1); DAB65208NL(1); DAB65258NL(1); DAB65308NL(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			DAB65358NL(1); DAB65408NL(1); DAB75109NL(1); DAB75159NL(1); DAB75209NL(1); DAB75259NL(1); DAB75309NL(1); DAB75359NL(1); DAB75409NL(1); DAB85109NL(1); DAB85159NL(1); DAB85209NL(1); DAB85259NL(1); DAB85309NL(1); DAB85359NL(1); DAB85409NL(1); DAB95109NL(1); DAB95159NL(1); DAB95209NL(1); DAB95259NL(1); DAB95309NL(1); DAB95359NL(1); DAB95409NL(1); DAB40105NLE(1); DAB40155NLE(1); DAB40205NLE(1); DAB40255NLE(1); DAB40305NLE(1); DAB40355NLE(1); DAB40405NLE(1); DAB45106NLE(1); DAB45156NLE(1); DAB45206NLE(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			DAB45256NLE(1); DAB45306NLE(1); DAB45356NLE(1); DAB45406NLE(1); DAB55107NLE(1); DAB55157NLE(1); DAB55207NLE(1); DAB55257NLE(1); DAB55307NLE(1); DAB55357NLE(1); DAB55407NLE(1); DAB65108NLE(1); DAB65158NLE(1); DAB65208NLE(1); DAB65258NLE(1); DAB65308NLE(1); DAB65358NLE(1); DAB65408NLE(1); DAB75109NLE(1); DAB75159NLE(1); DAB75209NLE(1); DAB75259NLE(1); DAB75309NLE(1); DAB75359NLE(1); DAB75409NLE(1); DAB85109NLE(1); DAB85159NLE(1); DAB85209NLE(1); DAB85259NLE(1); DAB85309NLE(1); DAB85359NLE(1); DAB85409NLE(1); DAB95109NLE(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			DAB95159NLE(1); DAB95209NLE(1); DAB95259NLE(1); DAB95309NLE(1); DAB95359NLE(1); DAB95409NLE(1); DAB40105HL(1); DAB40155HL(1); DAB40205HL(1); DAB40255HL(1); DAB40305HL(1); DAB40355HL(1); DAB40405HL(1); DAB45106HL(1); DAB45156HL(1); DAB45206HL(1); DAB45256HL(1); DAB45306HL(1); DAB45356HL(1); DAB45406HL(1); DAB55107HL(1); DAB55157HL(1); DAB55207HL(1); DAB55257HL(1); DAB55307HL(1); DAB55357HL(1); DAB55407HL(1); DAB65108HL(1); DAB65158HL(1); DAB65208HL(1); DAB65258HL(1); DAB65308HL(1); DAB65358HL(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			DAB65408HL(1); DAB75109HL(1); DAB75159HL(1); DAB75209HL(1); DAB75259HL(1); DAB75309HL(1); DAB75359HL(1); DAB75409HL(1); DAB85109HL(1); DAB85159HL(1); DAB85209HL(1); DAB85259HL(1); DAB85309HL(1); DAB85359HL(1); DAB85409HL(1); DAB95109HL(1); DAB95159HL(1); DAB95209HL(1); DAB95259HL(1); DAB95309HL(1); DAB95359HL(1); DAB95409HL(1); DAB40105HLE(1); DAB40155HLE(1); DAB40205HLE(1); DAB40255HLE(1); DAB40305HLE(1); DAB40355HLE(1); DAB40405HLE(1); DAB45106HLE(1); DAB45156HLE(1); DAB45206HLE(1); DAB45256HLE(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			DAB45306HLE(1); DAB45356HLE(1); DAB45406HLE(1); DAB55107HLE(1); DAB55157HLE(1); DAB55207HLE(1); DAB55257HLE(1); DAB55307HLE(1); DAB55357HLE(1); DAB55407HLE(1); DAB65108HLE(1); DAB65158HLE(1); DAB65208HLE(1); DAB65258HLE(1); DAB65308HLE(1); DAB65358HLE(1); DAB65408HLE(1); DAB75109HLE(1); DAB75159HLE(1); DAB75209HLE(1); DAB75259HLE(1); DAB75309HLE(1); DAB75359HLE(1); DAB75409HLE(1); DAB85109HLE(1); DAB85159HLE(1); DAB85209HLE(1); DAB85259HLE(1); DAB85309HLE(1); DAB85359HLE(1); DAB85409HLE(1); DAB95109HLE(1); DAB95159HLE(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			DAB95209HLE(1); DAB95259HLE(1); DAB95309HLE(1); DAB95359HLE(1); DAB95409HLE(1); DAB40105HT(1); DAB45156HT(1); DAB55157HT(1); DAB55257HT(1); DAB65158HT(1); DAB65258HT(1); DAB65358HT(1); DAB75259HT(1); DAB75359HT(1); DAB40105NT(1); DAB45156NT(1); DAB55157NT(1); DAB55257NT(1); DAB65158NT(1); DAB65258NT(1); DAB65358NT(1); DAB75259NT(1); DAB75359NT(1);				
9	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Milling Abutment	MAB40105H(1); MAB45156H(1); MAB55157H(1); MAB55257H(1); MAB65158H(1); MAB65258H(1); MAB65358H(1); MAB75259H(1); MAB75359H(1); MAB40105HE(1);	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	VIET NAM

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			MAB45156HE(1); MAB55157HE(1); MAB55257HE(1); MAB65158HE(1); MAB65258HE(1); MAB65358HE(1); MAB75259HE(1); MAB75359HE(1); MAB40105N(1); MAB45156N(1); MAB55157N(1); MAB55257N(1); MAB65158N(1); MAB65258N(1); MAB65358N(1); MAB75259N(1); MAB75359N(1); MAB40105NE(1); MAB45156NE(1); MAB55157NE(1); MAB55257NE(1); MAB65258NE(1); MAB65358NE(1); MAB75259NE(1); MAB75359NE(1); MAB65158NE(1); MAB454510NG(1); MAB454515NG(1); MAB454520NG(1); MAB454525NG(1); MAB454530NG(1); MAB455510NG(1); MAB455515NG(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			MAB455520NG(1); MAB455525NG(1); MAB455530NG(1); MAB456510NG(1); MAB456515NG(1); MAB456520NG(1); MAB456525NG(1); MAB456530NG(1); MAB454510HG(1); MAB454515HG(1); MAB454520HG(1); MAB454525HG(1); MAB454530HG(1); MAB455510HG(1); MAB455515HG(1); MAB455520HG(1); MAB455525HG(1); MAB455530HG(1); MAB456510HG(1); MAB456515HG(1); MAB456520HG(1); MAB456525HG(1); MAB456530HG(1);				
10	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Angled Abutment	AAB154505HG(1); AAB154510HG(1); AAB154515HG(1); AAB154520HG(1); AAB154525HG(1); AAB154530HG(1); AAB154535HG(1); AAB154540HG(1); AAB154545HG(1); AAB154550HG(1);	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	VIET NAM

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			AAB154555HG(1); AAB154560HG(1); AAB155505HG(1); AAB155510HG(1); AAB155515HG(1); AAB155520HG(1); AAB155525HG(1); AAB155530HG(1); AAB155535HG(1); AAB155540HG(1); AAB155545HG(1); AAB254505HG(1); AAB254510HG(1); AAB254515HG(1); AAB254520HG(1); AAB254525HG(1); AAB254530HG(1); AAB254535HG(1); AAB254540HG(1); AAB254545HG(1); AAB254550HG(1); AAB254555HG(1); AAB254560HG(1); AAB255505HG(1); AAB255510HG(1); AAB255515HG(1); AAB255520HG(1); AAB255525HG(1); AAB255530HG(1); AAB255535HG(1); AAB255540HG(1); AAB255545HG(1); AAB155550HG(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			AAB15555HG(1); AAB155560HG(1); AAB156510HG(1); AAB156515HG(1); AAB156520HG(1); AAB156525HG(1); AAB156530HG(1); AAB156535HG(1); AAB156540HG(1); AAB156545HG(1); AAB156550HG(1); AAB156555HG(1); AAB156560HG(1); AAB255550HG(1); AAB255555HG(1); AAB255560HG(1); AAB256510HG(1); AAB256515HG(1); AAB256520HG(1); AAB256525HG(1); AAB256530HG(1); AAB256535HG(1); AAB256540HG(1); AAB256545HG(1); AAB256550HG(1); AAB256555HG(1); AAB256560HG(1); AAB154505NG(1); AAB154510NG(1); AAB154515NG(1); AAB154520NG(1); AAB154525NG(1); AAB154530NG(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			AAB154535NG(1); AAB154540NG(1); AAB154545NG(1); AAB154550NG(1); AAB254505NG(1); AAB254510NG(1); AAB254515NG(1); AAB254520NG(1); AAB254525NG(1); AAB254530NG(1); AAB254535NG(1); AAB254540NG(1); AAB254545NG(1); AAB254550NG(1); AAB154555NG(1); AAB154560NG(1); AAB155505NG(1); AAB155510NG(1); AAB155515NG(1); AAB155520NG(1); AAB155525NG(1); AAB155530NG(1); AAB155535NG(1); AAB155540NG(1); AAB155545NG(1); AAB155550NG(1); AAB155555NG(1); AAB155560NG(1); AAB156510NG(1); AAB156515NG(1); AAB156520NG(1); AAB156525NG(1); AAB156530NG(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			AAB156535NG(1); AAB156540NG(1); AAB156545NG(1); AAB156550NG(1); AAB156555NG(1); AAB156560NG(1); AAB254555NG(1); AAB254560NG(1); AAB255505NG(1); AAB255510NG(1); AAB255515NG(1); AAB255520NG(1); AAB255525NG(1); AAB255530NG(1); AAB255535NG(1); AAB255540NG(1); AAB255545NG(1); AAB255550NG(1); AAB255555NG(1); AAB255560NG(1); AAB256510NG(1); AAB256515NG(1); AAB256520NG(1); AAB256525NG(1); AAB256530NG(1); AAB256535NG(1); AAB256540NG(1); AAB256545NG(1); AAB256550NG(1); AAB256555NG(1); AAB256560NG(1); AAB154510HL(1); AAB154515HL(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			AAB154520HL(1); AAB154525HL(1); AAB154530HL(1); AAB154535HL(1); AAB154540HL(1); AAB154545HL(1); AAB154550HL(1); AAB154555HL(1); AAB154560HL(1); AAB155510HL(1); AAB155515HL(1); AAB155520HL(1); AAB155525HL(1); AAB155530HL(1); AAB155535HL(1); AAB155540HL(1); AAB155545HL(1); AAB155550HL(1); AAB155555HL(1); AAB155560HL(1); AAB156510HL(1); AAB156515HL(1); AAB254510HL(1); AAB254515HL(1); AAB254520HL(1); AAB254525HL(1); AAB254530HL(1); AAB254535HL(1); AAB254540HL(1); AAB254545HL(1); AAB254550HL(1); AAB254555HL(1); AAB254560HL(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			AAB255510HL(1); AAB255515HL(1); AAB255520HL(1); AAB255525HL(1); AAB255530HL(1); AAB255535HL(1); AAB255540HL(1); AAB255545HL(1); AAB255550HL(1); AAB255555HL(1); AAB255560HL(1); AAB256510HL(1); AAB256515HL(1); AAB156520HL(1); AAB156525HL(1); AAB156530HL(1); AAB156535HL(1); AAB156540HL(1); AAB156545HL(1); AAB156550HL(1); AAB156555HL(1); AAB156560HL(1); AAB256520HL(1); AAB256525HL(1); AAB256530HL(1); AAB256535HL(1); AAB256540HL(1); AAB256545HL(1); AAB256550HL(1); AAB256555HL(1); AAB256560HL(1); AAB154510HLE(1); AAB154515HLE(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			AAB154520HLE(1); AAB154525HLE(1); AAB154530HLE(1); AAB154535HLE(1); AAB154540HLE(1); AAB154545HLE(1); AAB154550HLE(1); AAB154555HLE(1); AAB154560HLE(1); AAB155510HLE(1); AAB155515HLE(1); AAB155520HLE(1); AAB155525HLE(1); AAB155530HLE(1); AAB155535HLE(1); AAB155540HLE(1); AAB155545HLE(1); AAB155550HLE(1); AAB155555HLE(1); AAB155560HLE(1); AAB156510HLE(1); AAB156515HLE(1); AAB156520HLE(1); AAB156525HLE(1); AAB156530HLE(1); AAB156535HLE(1); AAB156540HLE(1); AAB156545HLE(1); AAB156550HLE(1); AAB156555HLE(1); AAB156560HLE(1); AAB254510HLE(1); AAB254515HLE(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			AAB254520HLE(1); AAB254525HLE(1); AAB254530HLE(1); AAB254535HLE(1); AAB254540HLE(1); AAB254545HLE(1); AAB254550HLE(1); AAB254555HLE(1); AAB254560HLE(1); AAB255510HLE(1); AAB255515HLE(1); AAB255520HLE(1); AAB255525HLE(1); AAB255530HLE(1); AAB255535HLE(1); AAB255540HLE(1); AAB255545HLE(1); AAB255550HLE(1); AAB255555HLE(1); AAB255560HLE(1); AAB256510HLE(1); AAB256515HLE(1); AAB256520HLE(1); AAB256525HLE(1); AAB256530HLE(1); AAB256535HLE(1); AAB256540HLE(1); AAB256545HLE(1); AAB256550HLE(1); AAB256555HLE(1); AAB256560HLE(1); AAB154510NL(1); AAB154515NL(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			AAB154520NL(1); AAB154525NL(1); AAB154530NL(1); AAB154535NL(1); AAB154540NL(1); AAB154545NL(1); AAB154550NL(1); AAB154555NL(1); AAB154560NL(1); AAB155510NL(1); AAB155515NL(1); AAB155520NL(1); AAB155525NL(1); AAB155530NL(1); AAB155535NL(1); AAB155540NL(1); AAB155545NL(1); AAB155550NL(1); AAB155555NL(1); AAB155560NL(1); AAB156510NL(1); AAB156515NL(1); AAB156520NL(1); AAB156525NL(1); AAB156530NL(1); AAB156535NL(1); AAB156540NL(1); AAB156545NL(1); AAB156550NL(1); AAB156555NL(1); AAB156560NL(1); AAB254510NL(1); AAB254515NL(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			AAB254520NL(1); AAB254525NL(1); AAB254530NL(1); AAB254535NL(1); AAB254540NL(1); AAB254545NL(1); AAB254550NL(1); AAB254555NL(1); AAB254560NL(1); AAB255510NL(1); AAB255515NL(1); AAB255520NL(1); AAB255525NL(1); AAB255530NL(1); AAB255535NL(1); AAB255540NL(1); AAB255545NL(1); AAB255550NL(1); AAB255555NL(1); AAB255560NL(1); AAB256510NL(1); AAB256515NL(1); AAB256520NL(1); AAB256525NL(1); AAB256530NL(1); AAB256535NL(1); AAB256540NL(1); AAB256545NL(1); AAB256550NL(1); AAB256555NL(1); AAB256560NL(1); AAB154510NLE(1); AAB154515NLE(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			AAB154520NLE(1); AAB154525NLE(1); AAB154530NLE(1); AAB154535NLE(1); AAB154540NLE(1); AAB154545NLE(1); AAB154550NLE(1); AAB154555NLE(1); AAB154560NLE(1); AAB155510NLE(1); AAB155515NLE(1); AAB155520NLE(1); AAB155525NLE(1); AAB155530NLE(1); AAB155535NLE(1); AAB155540NLE(1); AAB155545NLE(1); AAB155550NLE(1); AAB155555NLE(1); AAB155560NLE(1); AAB156510NLE(1); AAB156515NLE(1); AAB156520NLE(1); AAB156525NLE(1); AAB156530NLE(1); AAB156535NLE(1); AAB156540NLE(1); AAB156545NLE(1); AAB156550NLE(1); AAB156555NLE(1); AAB156560NLE(1); AAB254510NLE(1); AAB254515NLE(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			AAB254520NLE(1); AAB254525NLE(1); AAB254530NLE(1); AAB254535NLE(1); AAB254540NLE(1); AAB254545NLE(1); AAB254550NLE(1); AAB254555NLE(1); AAB254560NLE(1); AAB255510NLE(1); AAB255515NLE(1); AAB255520NLE(1); AAB255525NLE(1); AAB255530NLE(1); AAB255535NLE(1); AAB255540NLE(1); AAB255545NLE(1); AAB255550NLE(1); AAB255555NLE(1); AAB255560NLE(1); AAB256510NLE(1); AAB256515NLE(1); AAB256520NLE(1); AAB256525NLE(1); AAB256530NLE(1); AAB256535NLE(1); AAB256540NLE(1); AAB256545NLE(1); AAB256550NLE(1); AAB256555NLE(1); AAB256560NLE(1); AAB155020H(1); AAB155040H(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			AAB255020H(1); AAB255040H(1); AAB155020N(1); AAB155040N(1); AAB255020N(1); AAB255040N(1); AAB155020HE(1); AAB155040HE(1); AAB255020HE(1); AAB255040HE(1); AAB155020NE(1); AAB155040NE(1); AAB255020NE(1); AAB255040NE(1); AAB154515HT(1); AAB154525HT(1); AAB154535HT(1); AAB155515HT(1); AAB155525HT(1); AAB155535HT(1); AAB254515HT(1); AAB254525HT(1); AAB254535HT(1); AAB255515HT(1); AAB255525HT(1); AAB255535HT(1); AAB154515NT(1); AAB154525NT(1); AAB154535NT(1); AAB155515NT(1); AAB254515NT(1); AAB254525NT(1); AAB254535NT(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			AAB255515NT(1); AAB155525NT(1); AAB155535NT(1); AAB255525NT(1); AAB255535NT(1); AAB154515H(1); AAB154525H(1); AAB154535H(1); AAB155515H(1); AAB155525H(1); AAB155535H(1); AAB254515H(1); AAB254525H(1); AAB254535H(1); AAB255515H(1); AAB255525H(1); AAB255535H(1); AAB154515HE(1); AAB154525HE(1); AAB154535HE(1); AAB155515HE(1); AAB155525HE(1); AAB155535HE(1); AAB254515HE(1); AAB254525HE(1); AAB254535HE(1); AAB255515HE(1); AAB255525HE(1); AAB255535HE(1); AAB154515N(1); AAB154525N(1); AAB154535N(1); AAB155515N(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			AAB155525N(1); AAB155535N(1); AAB254515N(1); AAB254525N(1); AAB254535N(1); AAB255515N(1); AAB255525N(1); AAB255535N(1); AAB154515NE(1); AAB154525NE(1); AAB154535NE(1); AAB155515NE(1); AAB155525NE(1); AAB155535NE(1); AAB254515NE(1); AAB254525NE(1); AAB254535NE(1); AAB255515NE(1); AAB255525NE(1); AAB255535NE(1);				
11	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Metal Casting Abutment	RAB45CH(1); RAB45CHT(1); RAB45CLH(1); RAB45CN(1); RAB45CNT(1); RAB45CLN(1);	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	VIET NAM
12	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Screw Abutment	SAB4510L(1); SAB4515L(1); SAB4525L(1); SAB4535L(1);	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng,	VIET NAM

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			SAB4545L(1); SAB4555L(1); SAB5515L(1); SAB5525L(1); SAB5535L(1); SAB5545L(1); SAB5555L(1); SAB4510LE(1); SAB4515LE(1); SAB4525LE(1); SAB4535LE(1); SAB4545LE(1); SAB4555LE(1); SAB5515LE(1); SAB5525LE(1); SAB5535LE(1); SAB5545LE(1); SAB5555LE(1); SAB5515S(1); SAB5525S(1); SAB5535S(1); SAB5545S(1); SAB5555S(1); SAB5515SE(1); SAB5525SE(1); SAB5535SE(1); SAB5545SE(1); SAB5555SE(1); SAB4810(1); SAB4820(1); SAB4830(1); SAB4845(1); SAB6010(1);	Kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)		phường Liên Chiêu, Thành phố Đà Nẵng	

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			SAB6020(1); SAB6030(1); SAB6045(1); SAB4810E(1); SAB4820E(1); SAB4830E(1); SAB4845E(1); SAB6010E(1); SAB6020E(1); SAB6030E(1); SAB6045E(1); SAB4510(1); SAB4515(1); SAB4525(1); SAB4535(1); SAB4545(1); SAB4555(1); SAB5515(1); SAB5525(1); SAB5535(1); SAB5545(1); SAB5555(1); SAB4510E(1); SAB4515E(1); SAB4525E(1); SAB4535E(1); SAB4545E(1); SAB4555E(1); SAB5515E(1); SAB5525E(1); SAB5535E(1); SAB5545E(1); SAB5555E(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			SABB3805(1); SABB3810(1); SABB3815(1); SABB3820(1); SABB3825(1); SABB3830(1); SABB3835(1); SABB3840(1); SABB3845(1); SABB3850(1); SABB3855(1); SABB3860(1); SABB3805E(1); SABB3810E(1); SABB3815E(1); SABB3820E(1); SABB3825E(1); SABB3830E(1); SABB3835E(1); SABB3840E(1); SABB3845E(1); SABB3850E(1); SABB3855E(1); SABB3860E(1);				
13	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Angled Screw Abutment	ASA45151018H(1); ASA45151518H(1); ASA45152018H(1); ASA45152518H(1); ASA45153018H(1); ASA45153518H(1); ASA45154018H(1); ASA45154518H(1); ASA45155018H(1);	Đóng sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD P E)	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	VIET NAM

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			ASA45155518H(1); ASA45301018H(1); ASA45301518H(1); ASA45302018H(1); ASA45302518H(1); ASA45303018H(1); ASA45303518H(1); ASA45304018H(1); ASA45304518H(1); ASA45305018H(1); ASA45305518H(1); ASA55151518H(1); ASA55152018H(1); ASA55152518H(1); ASA55153018H(1); ASA55153518H(1); ASA55154018H(1); ASA55154518H(1); ASA55155018H(1); ASA55155518H(1); ASA55301518H(1); ASA55302018H(1); ASA55302518H(1); ASA55303018H(1); ASA55303518H(1); ASA55304018H(1); ASA55304518H(1); ASA55305018H(1); ASA55305518H(1); ASA45151018HE(1); ASA45151518HE(1); ASA45152018HE(1); ASA45152518HE(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			ASA45153018HE(1); ASA45153518HE(1); ASA45154018HE(1); ASA45154518HE(1); ASA45155018HE(1); ASA45155518HE(1); ASA45301018HE(1); ASA45301518HE(1); ASA45302018HE(1); ASA45302518HE(1); ASA45303018HE(1); ASA45303518HE(1); ASA45304018HE(1); ASA45304518HE(1); ASA45305018HE(1); ASA45305518HE(1); ASA55151518HE(1); ASA55152018HE(1); ASA55152518HE(1); ASA55153018HE(1); ASA55153518HE(1); ASA55154018HE(1); ASA55154518HE(1); ASA55155018HE(1); ASA55155518HE(1); ASA55301518HE(1); ASA55302018HE(1); ASA55302518HE(1); ASA55303018HE(1); ASA55303518HE(1); ASA55304018HE(1); ASA55304518HE(1); ASA55305018HE(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			ASA55305518HE(1); ASA45151018N(1); ASA45151518N(1); ASA45152018N(1); ASA45152518N(1); ASA45153018N(1); ASA45153518N(1); ASA45154018N(1); ASA45154518N(1); ASA45155018N(1); ASA45155518N(1); ASA45301018N(1); ASA45301518N(1); ASA45302018N(1); ASA45302518N(1); ASA45303018N(1); ASA45303518N(1); ASA45304018N(1); ASA45304518N(1); ASA45305018N(1); ASA45305518N(1); ASA55151518N(1); ASA55152018N(1); ASA55152518N(1); ASA55153018N(1); ASA55153518N(1); ASA55154018N(1); ASA55154518N(1); ASA55155018N(1); ASA55155518N(1); ASA55301518N(1); ASA55302018N(1); ASA55302518N(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			ASA55303018N(1); ASA55303518N(1); ASA55304018N(1); ASA55304518N(1); ASA55305018N(1); ASA55305518N(1); ASA45151018NE(1); ASA45151518NE(1); ASA45152018NE(1); ASA45152518NE(1); ASA45153018NE(1); ASA45153518NE(1); ASA45154018NE(1); ASA45154518NE(1); ASA45155018NE(1); ASA45155518NE(1); ASA45301018NE(1); ASA45301518NE(1); ASA45302018NE(1); ASA45302518NE(1); ASA45303018NE(1); ASA45303518NE(1); ASA45304018NE(1); ASA45304518NE(1); ASA45305018NE(1); ASA45305518NE(1); ASA55151518NE(1); ASA55152018NE(1); ASA55152518NE(1); ASA55153018NE(1); ASA55153518NE(1); ASA55154018NE(1); ASA55154518NE(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			ASA55155018NE(1); ASA55155518NE(1); ASA55301518NE(1); ASA55302018NE(1); ASA55302518NE(1); ASA55303018NE(1); ASA55303518NE(1); ASA55304018NE(1); ASA55304518NE(1); ASA55305018NE(1); ASA55305518NE(1); ASA45151018HT(1); ASA45301018HT(1); ASA45152018HT(1); ASA45302018HT(1); ASA55151518HT(1); ASA55301518HT(1); ASA55153018HT(1); ASA55303018HT(1); ASA45151018NT(1); ASA45301018NT(1); ASA45152018NT(1); ASA45302018NT(1); ASA55151518NT(1); ASA55301518NT(1); ASA55153018NT(1); ASA55303018NT(1); ASA452010NT(1); ASA452020NT(1); ASA452030NT(1); ASA452040NT(1); ASA452050NT(1); ASA552010NT(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			ASA552020NT(1); ASA552030NT(1); ASA552040NT(1); ASA552050NT(1); ASA452010HT(1); ASA452020HT(1); ASA452030HT(1); ASA452040HT(1); ASA452050HT(1); ASA552010HT(1); ASA552020HT(1); ASA552030HT(1); ASA552040HT(1); ASA552050HT(1); ASA451510H(1); ASA451515H(1); ASA451520H(1); ASA451525H(1); ASA451530H(1); ASA451535H(1); ASA451540H(1); ASA451545H(1); ASA451550H(1); ASA451555H(1); ASA452010H(1); ASA452015H(1); ASA452020H(1); ASA452025H(1); ASA452030H(1); ASA452035H(1); ASA452040H(1); ASA452045H(1); ASA452050H(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			ASA452055H(1); ASA453010H(1); ASA453015H(1); ASA453020H(1); ASA453025H(1); ASA453030H(1); ASA453035H(1); ASA453040H(1); ASA453045H(1); ASA453050H(1); ASA453055H(1); ASA551510H(1); ASA551515H(1); ASA551520H(1); ASA551525H(1); ASA551530H(1); ASA551535H(1); ASA551540H(1); ASA551545H(1); ASA551550H(1); ASA551555H(1); ASA552010H(1); ASA552015H(1); ASA552020H(1); ASA552025H(1); ASA552030H(1); ASA552035H(1); ASA552040H(1); ASA552045H(1); ASA552050H(1); ASA552055H(1); ASA553010H(1); ASA553015H(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			ASA553020H(1); ASA553025H(1); ASA553030H(1); ASA553035H(1); ASA553040H(1); ASA553045H(1); ASA553050H(1); ASA553055H(1); ASA451510HE(1); ASA451515HE(1); ASA451520HE(1); ASA451525HE(1); ASA451530HE(1); ASA451535HE(1); ASA451540HE(1); ASA451545HE(1); ASA451550HE(1); ASA451555HE(1); ASA452010HE(1); ASA551510HE(1); ASA551515HE(1); ASA551520HE(1); ASA551525HE(1); ASA551530HE(1); ASA551535HE(1); ASA551540HE(1); ASA551545HE(1); ASA551550HE(1); ASA551555HE(1); ASA552010HE(1); ASA452015HE(1); ASA452020HE(1); ASA452025HE(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			ASA452030HE(1); ASA452035HE(1); ASA452040HE(1); ASA452045HE(1); ASA452050HE(1); ASA452055HE(1); ASA453010HE(1); ASA453015HE(1); ASA453020HE(1); ASA453025HE(1); ASA453030HE(1); ASA453035HE(1); ASA453040HE(1); ASA453045HE(1); ASA453050HE(1); ASA453055HE(1); ASA552015HE(1); ASA552020HE(1); ASA552025HE(1); ASA552030HE(1); ASA552035HE(1); ASA552040HE(1); ASA552045HE(1); ASA552050HE(1); ASA552055HE(1); ASA553010HE(1); ASA553015HE(1); ASA553020HE(1); ASA553025HE(1); ASA553030HE(1); ASA553035HE(1); ASA553040HE(1); ASA553045HE(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			ASA553050HE(1); ASA553055HE(1); ASA451510N(1); ASA451515N(1); ASA451520N(1); ASA451525N(1); ASA451530N(1); ASA451535N(1); ASA451540N(1); ASA451545N(1); ASA451550N(1); ASA451555N(1); ASA452010N(1); ASA452015N(1); ASA452020N(1); ASA452025N(1); ASA452030N(1); ASA452035N(1); ASA452040N(1); ASA452045N(1); ASA452050N(1); ASA452055N(1); ASA453010N(1); ASA453015N(1); ASA453020N(1); ASA453025N(1); ASA453030N(1); ASA453035N(1); ASA453040N(1); ASA453045N(1); ASA453050N(1); ASA453055N(1); ASA551510N(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			ASA551515N(1); ASA551520N(1); ASA551525N(1); ASA551530N(1); ASA551535N(1); ASA551540N(1); ASA551545N(1); ASA551550N(1); ASA551555N(1); ASA552010N(1); ASA552015N(1); ASA552020N(1); ASA552025N(1); ASA552030N(1); ASA552035N(1); ASA552040N(1); ASA552045N(1); ASA552050N(1); ASA552055N(1); ASA553010N(1); ASA553015N(1); ASA553020N(1); ASA553025N(1); ASA553030N(1); ASA553035N(1); ASA553040N(1); ASA553045N(1); ASA553050N(1); ASA553055N(1); ASA451510NE(1); ASA451515NE(1); ASA451520NE(1); ASA451525NE(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			ASA451530NE(1); ASA451535NE(1); ASA451540NE(1); ASA451545NE(1); ASA451550NE(1); ASA451555NE(1); ASA452010NE(1); ASA452015NE(1); ASA452020NE(1); ASA452025NE(1); ASA452030NE(1); ASA452035NE(1); ASA452040NE(1); ASA452045NE(1); ASA452050NE(1); ASA452055NE(1); ASA453010NE(1); ASA453015NE(1); ASA453020NE(1); ASA453025NE(1); ASA453030NE(1); ASA453035NE(1); ASA453040NE(1); ASA453045NE(1); ASA453050NE(1); ASA453055NE(1); ASA551510NE(1); ASA551515NE(1); ASA551520NE(1); ASA551525NE(1); ASA551530NE(1); ASA551535NE(1); ASA551540NE(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			ASA551545NE(1); ASA551550NE(1); ASA551555NE(1); ASA552010NE(1); ASA552015NE(1); ASA552020NE(1); ASA552025NE(1); ASA552030NE(1); ASA552035NE(1); ASA552040NE(1); ASA552045NE(1); ASA552050NE(1); ASA552055NE(1); ASA553010NE(1); ASA553015NE(1); ASA553020NE(1); ASA553025NE(1); ASA553030NE(1); ASA553035NE(1); ASA553040NE(1); ASA553045NE(1); ASA553050NE(1); ASA553055NE(1); ASA4510H(1); ASA4515H(1); ASA4520H(1); ASA4525H(1); ASA4530H(1); ASA4535H(1); ASA4540H(1); ASA4545H(1); ASA4550H(1); ASA4555H(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			ASA5510H(1); ASA5515H(1); ASA5520H(1); ASA5525H(1); ASA5530H(1); ASA5535H(1); ASA5540H(1); ASA5545H(1); ASA5550H(1); ASA5555H(1); ASA4510HE(1); ASA4515HE(1); ASA4520HE(1); ASA4525HE(1); ASA4530HE(1); ASA4535HE(1); ASA4540HE(1); ASA4545HE(1); ASA4550HE(1); ASA4555HE(1); ASA5510HE(1); ASA5515HE(1); ASA5520HE(1); ASA5525HE(1); ASA5530HE(1); ASA5535HE(1); ASA5540HE(1); ASA5545HE(1); ASA5550HE(1); ASA5555HE(1); ASA4510N(1); ASA4515N(1); ASA4520N(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			ASA4525N(1); ASA4530N(1); ASA4535N(1); ASA4540N(1); ASA4545N(1); ASA4550N(1); ASA4555N(1); ASA5510N(1); ASA5515N(1); ASA5520N(1); ASA5525N(1); ASA5530N(1); ASA5535N(1); ASA5540N(1); ASA5545N(1); ASA5550N(1); ASA5555N(1); ASA4510NE(1); ASA4515NE(1); ASA4520NE(1); ASA4525NE(1); ASA4530NE(1); ASA4535NE(1); ASA4540NE(1); ASA4545NE(1); ASA4550NE(1); ASA4555NE(1); ASA5510NE(1); ASA5515NE(1); ASA5520NE(1); ASA5525NE(1); ASA5530NE(1); ASA5535NE(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			ASA5540NE(1); ASA5545NE(1); ASA5550NE(1); ASA5555NE(1); ASAB381505N(1); ASAB381510N(1); ASAB381515N(1); ASAB381520N(1); ASAB381525N(1); ASAB381530N(1); ASAB381535N(1); ASAB381540N(1); ASAB381545N(1); ASAB381550N(1); ASAB381555N(1); ASAB382005N(1); ASAB382010N(1); ASAB382015N(1); ASAB382020N(1); ASAB382025N(1); ASAB382030N(1); ASAB382035N(1); ASAB382040N(1); ASAB382045N(1); ASAB382050N(1); ASAB382055N(1); ASAB383005N(1); ASAB383010N(1); ASAB383015N(1); ASAB383020N(1); ASAB383025N(1); ASAB383030N(1); ASAB383035N(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			ASAB383040N(1); ASAB383045N(1); ASAB383050N(1); ASAB383055N(1); ASAB381505NE(1); ASAB381510NE(1); ASAB381515NE(1); ASAB381520NE(1); ASAB381525NE(1); ASAB381530NE(1); ASAB381535NE(1); ASAB381540NE(1); ASAB381545NE(1); ASAB381550NE(1); ASAB381555NE(1); ASAB382005NE(1); ASAB382010NE(1); ASAB382015NE(1); ASAB382020NE(1); ASAB382025NE(1); ASAB382030NE(1); ASAB382035NE(1); ASAB382040NE(1); ASAB382045NE(1); ASAB382050NE(1); ASAB382055NE(1); ASAB383005NE(1); ASAB383010NE(1); ASAB383015NE(1); ASAB383020NE(1); ASAB383025NE(1); ASAB383030NE(1); ASAB383035NE(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			ASAB383040NE(1); ASAB383045NE(1); ASAB383050NE(1); ASAB383055NE(1); ASA451510RN(1); ASA451520RN(1); ASA451530RN(1); ASA452010RN(1); ASA452020RN(1); ASA452030RN(1); ASA453010RN(1); ASA453020RN(1); ASA453030RN(1); ASA551510RN(1); ASA551520RN(1); ASA551530RN(1); ASA552010RN(1); ASA552020RN(1); ASA552030RN(1); ASA553010RN(1); ASA553020RN(1); ASA553030RN(1); ASA451510RNE(1); ASA451520RNE(1); ASA451530RNE(1); ASA452010RNE(1); ASA452020RNE(1); ASA452030RNE(1); ASA453010RNE(1); ASA453020RNE(1); ASA453030RNE(1); ASA551510RNE(1); ASA551520RNE(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			ASA551530RNE(1); ASA552010RNE(1); ASA552020RNE(1); ASA552030RNE(1); ASA553010RNE(1); ASA553020RNE(1); ASA553030RNE(1); ASA451510RH(1); ASA451520RH(1); ASA451530RH(1); ASA452010RH(1); ASA452020RH(1); ASA452030RH(1); ASA453010RH(1); ASA453020RH(1); ASA453030RH(1); ASA551510RH(1); ASA551520RH(1); ASA551530RH(1); ASA552010RH(1); ASA552020RH(1); ASA552030RH(1); ASA553010RH(1); ASA553020RH(1); ASA553030RH(1); ASA451510RHE(1); ASA451520RHE(1); ASA451530RHE(1); ASA452010RHE(1); ASA452020RHE(1); ASA452030RHE(1); ASA453010RHE(1); ASA453020RHE(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			ASA453030RHE(1); ASA551510RHE(1); ASA551520RHE(1); ASA551530RHE(1); ASA552010RHE(1); ASA552020RHE(1); ASA552030RHE(1); ASA553010RHE(1); ASA553020RHE(1); ASA553030RHE(1); ASAB381505H(1); ASAB381510H(1); ASAB381515H(1); ASAB381520H(1); ASAB381525H(1); ASAB381530H(1); ASAB381535H(1); ASAB381540H(1); ASAB381545H(1); ASAB381550H(1); ASAB381555H(1); ASAB382005H(1); ASAB382010H(1); ASAB382015H(1); ASAB382020H(1); ASAB382025H(1); ASAB382030H(1); ASAB382035H(1); ASAB382040H(1); ASAB382045H(1); ASAB382050H(1); ASAB382055H(1); ASAB383005H(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			ASAB383010H(1); ASAB383015H(1); ASAB383020H(1); ASAB383025H(1); ASAB383030H(1); ASAB383035H(1); ASAB383040H(1); ASAB383045H(1); ASAB383050H(1); ASAB383055H(1); ASAB381505HE(1); ASAB381510HE(1); ASAB381515HE(1); ASAB381520HE(1); ASAB381525HE(1); ASAB381530HE(1); ASAB381535HE(1); ASAB381540HE(1); ASAB381545HE(1); ASAB381550HE(1); ASAB381555HE(1); ASAB382005HE(1); ASAB382010HE(1); ASAB382015HE(1); ASAB382020HE(1); ASAB382025HE(1); ASAB382030HE(1); ASAB382035HE(1); ASAB382040HE(1); ASAB382045HE(1); ASAB382050HE(1); ASAB382055HE(1); ASAB383005HE(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			ASAB383010HE(1); ASAB383015HE(1); ASAB383020HE(1); ASAB383025HE(1); ASAB383030HE(1); ASAB383035HE(1); ASAB383040HE(1); ASAB383045HE(1); ASAB383050HE(1); ASAB383055HE(1);				
14	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Positioner Abutment	PAB3510; PAB3520; PAB3530; PAB3540; PAB3550; PAB3560; PAB3570; PAB3580; PAB3590; PAB35100; PAB3510E; PAB3520E; PAB3530E; PAB3540E; PAB3550E; PAB3560E; PAB3570E; PAB3580E; PAB3590E; PAB35100E;	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	VIET NAM
15	Thân răng nhân tạo dùng trong nha	Screw Ti Base	DDC3805HO(1); DDC3810HO(1);	Đóng gói sản phẩm vào lọ	CÔNG TY TNHH ICT	Lô A18-1, A19, Đường số 12,	VIET NAM

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
	khoa (Dòng SuperLine)		DDC3820HO(1); DDC3830HO(1); DDC3840HO(1); DDC3850HO(1); DDC3860HO(1); DDC5005H(1); DDC5010H(1); DDC5020H(1); DDC5030H(1); DDC5040H(1); DDC5050H(1); DDC5060H(1); DDC3805N(1); DDC3810N(1); DDC3820N(1); DDC3830N(1); DDC3840N(1); DDC3850N(1); DDC3860N(1); DDC5005N(1); DDC5010N(1); DDC5020N(1); DDC5030N(1); DDC5040N(1); DDC5050N(1); DDC5060N(1);	nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)	VINA	Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	
16	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Screw Metal Link	SMI4010H(1); SMI4020H(1); SMI4030H(1); SMI4010N(1); SMI4020N(1); SMI4030N(1);	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	VIET NAM

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
				PE)			
17	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Dual Cylinder	SD4005H(1); SD4015H(1); SD4025H(1); SD4035H(1); SD4005N(1); SD4015N(1); SD4025N(1); SD4035N(1);	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	VIET NAM
18	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Ti-Cylinder	STA38S(1); STA38B(1); STC38SG(1); STC38BG(1); STC45SL(1); STC55SL(1); STC45BL(1); STC55BL(1); STC4812(1); STC6012(1); STA45S(1); STA55S(1); STA45B(1); STA55B(1); STC45SG(1); STC55SG(1); STC45BG(1); STC55BG(1);	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	VIET NAM
19	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Ti Base	DDAB4510HE(1); DDAB4515HE(1); DDAB4525HE(1); DDAB4535HE(1); DDAB4545HE(1);	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên	VIET NAM

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			DDAB4555HE(1); DDAB5510HE(1); DDAB5515HE(1); DDAB5525HE(1); DDAB5535HE(1); DDAB5545HE(1); DDAB5555HE(1); DDAB6510HE(1); DDAB6515HE(1); DDAB6525HE(1); DDAB6535HE(1); DDAB6545HE(1); DDAB6555HE(1); DDAB4510NE(1); DDAB4515NE(1); DDAB4525NE(1); DDAB4535NE(1); DDAB4545NE(1); DDAB4555NE(1); DDAB5510NE(1); DDAB5515NE(1); DDAB5525NE(1); DDAB5535NE(1); DDAB5545NE(1); DDAB5555NE(1); DDAB6510NE(1); DDAB6515NE(1); DDAB6525NE(1); DDAB6535NE(1); DDAB6545NE(1); DDAB6555NE(1);	vật liệu: PET+AL+LLD PE)		Chiều, Thành phố Đà Nẵng	
20	Thân răng nhân tạo dùng trong nha	Diverse Cylinder	DSC3805H(1); DSC3810H(1);	Đóng gói sản phẩm vào lọ	CÔNG TY TNHH ICT	Lô A18-1, A19, Đường số 12,	VIET NAM

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
	khoa (Dòng SuperLine)		DSC3820H(1); DSC5010H(1); DSC5020H(1); DSC3805N(1); DSC3810N(1); DSC3820N(1); DSC5010N(1); DSC5020N(1);	nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)	VINA	Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	
21	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Digital Abutment	XDS4505HE(1); XDS4510HE(1); XDS4515HE(1); XDS4520HE(1); XDS4525HE(1); XDS4530HE(1); XDS4535HE(1); XDS4540HE(1); XDS4545HE(1); XDS4550HE(1); XDS4555HE(1); XDS4560HE(1); XDS5505HE(1); XDS5510HE(1); XDS5515HE(1); XDS5520HE(1); XDS5525HE(1); XDS5530HE(1); XDS5535HE(1); XDS5540HE(1); XDS5545HE(1); XDS5550HE(1); XDS5555HE(1); XDS5560HE(1); XDS6505HE(1);	Đóng sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD P E)	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	VIET NAM

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			XDS6510HE(1); XDS6515HE(1); XDS6520HE(1); XDS6525HE(1); XDS6530HE(1); XDS6535HE(1); XDS6540HE(1); XDS6545HE(1); XDS6550HE(1); XDS6555HE(1); XDS6560HE(1); XDS4505NE(1); XDS4510NE(1); XDS4515NE(1); XDS4520NE(1); XDS4525NE(1); XDS4530NE(1); XDS4535NE(1); XDS4540NE(1); XDS4545NE(1); XDS4550NE(1); XDS4555NE(1); XDS4560NE(1); XDS5505NE(1); XDS5510NE(1); XDS5515NE(1); XDS5520NE(1); XDS5525NE(1); XDS5530NE(1); XDS5535NE(1); XDS5540NE(1); XDS5545NE(1); XDS5550NE(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			XDS5555NE(1); XDS5560NE(1); XDS6505NE(1); XDS6510NE(1); XDS6515NE(1); XDS6520NE(1); XDS6525NE(1); XDS6530NE(1); XDS6535NE(1); XDS6540NE(1); XDS6545NE(1); XDS6550NE(1); XDS6555NE(1); XDS6560NE(1); XDS3810H(1); XDS3820H(1); XDS3830H(1); XDS5020H(1); XDS5030H(1); XDS3810N(1); XDS3820N(1); XDS3830N(1); XDS5020N(1); XDS5030N(1); XDS3810HE(1); XDS3820HE(1); XDS3830HE(1); XDS5020HE(1); XDS5030HE(1); XDS3810NE(1); XDS3820NE(1); XDS3830NE(1); XDS5020NE(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			XDS5030NE(1);				
22	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Ball Abutment	BAB4020(1); BAB4040(1); BAB350018(1); BAB351018(1); BAB352018(1); BAB353018(1); BAB354018(1); BAB355018(1); BAB356018(1); BAB357018(1); BAB358018(1); BAB400018(1); BAB401018(1); BAB402018(1); BAB403018(1); BAB404018(1); BAB405018(1); BAB406018(1); BAB407018(1); BAB408018(1);	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	VIET NAM
23	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Implant Keeper	MKP4510; MKP4520; MKP4530; MKP4540; MKP4550; MKP4560; MKP4570; MKP4580; MKP4810; MKP4820; MKP4830;	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	VIET NAM

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			MKP4840; MKP4850; MKP4860; MKP4870; MKP4880; MKP5010; MKP5020; MKP5030; MKP5040; MKP5050; MKP5060; MKP5070; MKP5080; MKP5510; MKP5520; MKP5530; MKP5540; MKP5550; MKP5560; MKP5570; MKP5580; MKP6010; MKP6020; MKP6030; MKP6040; MKP6050; MKP6060; MKP6070; MKP6080; MKP4510L; MKP4520L; MKP4530L; MKP4540L;				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			MKP4550L; MKP4560L; MKP4570L; MKP4580L; MKP4810L; MKP4820L; MKP4830L; MKP4840L; MKP4850L; MKP4860L; MKP4870L; MKP4880L; MKP5010L; MKP5020L; MKP5030L; MKP5040L; MKP5050L; MKP5060L; MKP5070L; MKP5080L; MKP5510L; MKP5520L; MKP5530L; MKP5540L; MKP5550L; MKP5560L; MKP5570L; MKP5580L; MKP6010L; MKP6020L; MKP6030L; MKP6040L; MKP6050L;				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			MKP6060L; MKP6070L; MKP6080L; MKP4510D; MKP4520D; MKP4530D; MKP4540D; MKP4550D; MKP4560D; MKP4570D; MKP4580D; MKP5510D; MKP5520D; MKP5530D; MKP5540D; MKP5550D; MKP5560D; MKP5570D; MKP5580D;				
24	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Direct-Casting Abutment	RAB45GN(1); RAB45GH(1); RAB45GHT(1); RAB45GNT(1); RAB45THL(1); RAB45TH(1); RAB45THT(1); RAB45TNT(1); RAB45TN(1);	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	VIET NAM
25	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Ti - blank	CMAB10HA(1); CMAB14HA(1); CMAB15HA(1); CMAB10NA(1);	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng,	VIET NAM

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			CMAB14NA(1); CMAB15NA(1); CMAB10HAL(1); CMAB14HAL(1); CMAB15HAL(1); CMAB10HA-JA(1); CMAB14HA-JA(1); CMAB15HA-JA(1); CMAB10NA-JA(1); CMAB14NA-JA(1); CMAB15NA-JA(1); CMAB10H(1); CMAB14H(1); CMAB15H(1); CMAB10HE(1); CMAB14HE(1); CMAB15HE(1); CMAB10HS(1); CMAB14HS(1); CMAB15HS(1); CMAB10HSE(1); CMAB14HSE(1); CMAB15HSE(1); CMAB10NS(1); CMAB14NS(1); CMAB15NS(1); DTBS10H(1); DTBS14H(1); DTBS16H(1); DTBS10N(1); DTBS14N(1); DTBS16N(1); MTBS10H(1);	Kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)		phường Liên Chiêu, Thành phố Đà Nẵng	

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			MTBS14H(1); MTBS16H(1); MTBS10N(1); MTBS14N(1); MTBS16N(1); CTBS10H(1); CTBS14H(1); CTBS16H(1); CTBS10N(1); CTBS14N(1); CTBS16N(1); DTB10H(1); DTB14H(1); DTB15H(1); DTB10HE(1); DTB14HE(1); DTB15HE(1); DTB10N(1); DTB14N(1); DTB15N(1); DTB10HS(1); DTB14HS(1); DTB15HS(1); DTB10HSE(1); DTB14HSE(1); DTB15HSE(1); DTB10NS(1); DTB14NS(1); DTB15NS(1); OTBR10N(1); OTBR14N(1); OTBR15N(1); OCMABR1015N(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			OCMABR1020N(1); OTBR10H(1); OTBR14H(1); OTBR15H(1); OCMABR1015H(1); OCMABR1020H(1); OTBM10N(1); OTBM14N(1); OTBM15N(1); OCMABM1015N(1); OCMABM1020N(1); OTBM10H(1); OTBM14H(1); OTBM15H(1); OCMABM1015H(1); OCMABM1020H(1); DTBS1015H(1); DTBS1020H(1); DTBS1015N(1); DTBS1020N(1); MTBSO4810N(1); MTBSO4814N(1); MTBSO4816N(1); MTBSO6510N(1); MTBSO6514N(1); MTBSO6516N(1); CTBN10S(1); CTBN14S(1); CTBN16S(1); CTBN10R(1); CTBN14R(1); CTBN16R(1); CTBO10H(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			CTBO14H(1); CTBO16H(1); CTBO10N(1); CTBO14N(1); CTBO16N(1); CTBOM10H(1); CTBOM14H(1); CTBOM16H(1); CTBOM10N(1); CTBOM14N(1); CTBOM16N(1); CTBD10H(1); CTBD14H(1); CTBD16H(1); CTBD10N(1); CTBD14N(1); CTBD16N(1); CTBN10H(1); CTBN14H(1); CTBN16H(1); CTBN10N(1); CTBN14N(1); CTBN16N(1); CTBSO4810O(1); CTBSO4814O(1); CTBSO4816O(1); CTBSO6510O(1); CTBSO6514O(1); CTBSO6516O(1); CTBSO4810N(1); CTBSO4814N(1); CTBSO4816N(1); CTBSO6510N(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			CTBSO6514N(1); CTBSO6516N(1); DTBD10N(1); DTBD14N(1); DTBD16N(1); DTBN10H(1); DTBN14H(1); DTBN16H(1); DTBN10N(1); DTBN14N(1); DTBN16N(1); DTBSO4810O(1); DTBSO4814O(1); DTBSO4816O(1); DTBSO6510O(1); DTBSO6514O(1); DTBSO6516O(1); DTBSO4810N(1); DTBSO4814N(1); DTBSO4816N(1); DTBSO6510N(1); DTBSO6514N(1); DTBSO6516N(1); MTBN10S(1); MTBN14S(1); MTBN16S(1); MTBN10R(1); MTBN14R(1); MTBN16R(1); MTBO10H(1); MTBO14H(1); MTBO16H(1); MTBO10N(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			MTBO14N(1); MTBO16N(1); MTBOM10H(1); MTBOM14H(1); MTBOM16H(1); MTBOM10N(1); MTBOM14N(1); MTBOM16N(1); MTBD10H(1); MTBD14H(1); MTBD16H(1); MTBD10N(1); MTBD14N(1); MTBD16N(1); MTBN10H(1); MTBN14H(1); MTBN16H(1); MTBN10N(1); MTBN14N(1); MTBN16N(1); MTBSO4810O(1); MTBSO4814O(1); MTBSO4816O(1); MTBSO6510O(1); MTBSO6514O(1); MTBSO6516O(1); SOCMAB4810OE(1); SOCMAB4814OE(1); SOCMAB4815OE(1); SOCMAB6510OE(1); SOCMAB6514OE(1); SOCMAB6515OE(1); CMAB10N(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			CMAB14N(1); CMAB15N(1); OCMABR10N(1); OCMABR14N(1); OCMABR15N(1); OCMABM10N(1); OCMABM14N(1); OCMABM15N(1); DICMAB10N(1); DICMAB14N(1); DICMAB15N(1); NECMAB10N(1); NECMAB14N(1); NECMAB15N(1); GCMAB10RE(1); GCMAB14RE(1); GCMAB15RE(1); GCMAB3010RE(1); GCMAB3014RE(1); GCMAB3015RE(1); SOCMAB4810NE(1); SOCMAB4814NE(1); SOCMAB4815NE(1); SOCMAB6510NE(1); SOCMAB6514NE(1); SOCMAB6515NE(1); DTBN10S(1); DTBN14S(1); DTBN16S(1); DTBN10R(1); DTBN14R(1); DTBN16R(1); DTBO10H(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			DTBO14H(1); DTBO16H(1); DTBO10N(1); DTBO14N(1); DTBO16N(1); DTBOM10H(1); DTBOM14H(1); DTBOM16H(1); DTBOM10N(1); DTBOM14N(1); DTBOM16N(1); DTBD10H(1); DTBD14H(1); DTBD16H(1); SOTB4810OE(1); SOTB4814OE(1); SOTB4815OE(1); SOTB6510OE(1); SOTB6514OE(1); SOTB6515OE(1); DITB10N(1); DITB14N(1); DITB15N(1); NETB10N(1); NETB14N(1); NETB15N(1); GTB10RE(1); GTB14RE(1); GTB15RE(1); GTB3010RE(1); GTB3014RE(1); GTB3015RE(1); SOTB4810NE(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			SOTB4814NE(1); SOTB4815NE(1); SOTB6510NE(1); SOTB6514NE(1); SOTB6515NE(1); OCMABR10H(1); OCMABR14H(1); OCMABR15H(1); OCMABM10H(1); OCMABM14H(1); OCMABM15H(1); DICMAB10H(1); DICMAB14H(1); DICMAB15H(1); NECMAB10H(1); NECMAB14H(1); NECMAB15H(1); GCMAB10SE(1); GCMAB14SE(1); GCMAB15SE(1); GCMAB3010SE(1); GCMAB3014SE(1); GCMAB3015SE(1); DITB10H(1); DITB14H(1); DITB15H(1); NETB10H(1); NETB14H(1); NETB15H(1); GTB10SE(1); GTB14SE(1); GTB15SE(1); GTB3010SE(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			GTB3014SE(1); GTB3015SE(1);				
26	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Abutment screw	NEAS20; DIAS20; ASC2025; ASC2045; GASC1619; SOAAS2023; OASM16; OASR20;	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	VIET NAM
27	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Ti-retaining Screw	SRS18T; SRS16TS; GSRS16TS;	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	VIET NAM
28	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	IOS Healing Abutment	IHAB4006TH(1); IHAB4008TH(1); IHAB4010TH(1); IHAB4012TH(1); IHAB5006TH(1); IHAB5008TH(1); IHAB5010TH(1); IHAB5012TH(1); IHAB6006TH(1); IHAB6008TH(1); IHAB6010TH(1); IHAB6012TH(1); IHAB4006TN(1);	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	VIET NAM

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			IHAB4008TN(1); IHAB4010TN(1); IHAB4012TN(1); IHAB5006TN(1); IHAB5008TN(1); IHAB5010TN(1); IHAB5012TN(1); IHAB6006TN(1); IHAB6008TN(1); IHAB6010TN(1); IHAB6012TN(1); IHAB4006H(1); IHAB4008H(1); IHAB4010H(1); IHAB4012H(1); IHAB5006H(1); IHAB5008H(1); IHAB5010H(1); IHAB5012H(1); IHAB6006H(1); IHAB6008H(1); IHAB6010H(1); IHAB6012H(1); IHAB4006N(1); IHAB4008N(1); IHAB4010N(1); IHAB4012N(1); IHAB5006N(1); IHAB5008N(1); IHAB5010N(1); IHAB5012N(1); IHAB6006N(1); IHAB6008N(1);				

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			IHAB6010N(1); IHAB6012N(1);				
29	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Ti - Temporary abutment	TAB45HG(1); RAB45THG(1); TAB45NG(1); RAB45TNG(1); TAB4510HG(1); TAB4520HG(1); TAB4530HG(1); TAB4510NG(1); TAB4520NG(1); TAB4530NG(1); RAB4510THG(1); RAB4520THG(1); RAB4530THG(1); RAB4510TNG(1); RAB4520TNG(1); RAB4530TNG(1);	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	VIET NAM
30	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Angled Screw Abutment Screw	ASASC2023;	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	VIET NAM
31	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Magnetic assay	MGT4515; MGT4520; MGT4815; MGT4820; MGT5015; MGT5020;	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu:	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành	VIET NAM

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
			MGT5515; MGT5520; MGT6015; MGT6020; MGT4530L; MGT5530L; MGT4510D; MGT4520D; MGT4530D; MGT4540D; MGT5520D;	PET+AL+LLD PE)		phố Đà Nẵng	
32	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Link Abutment	LAB4005H(1); LAB4010H(1); LAB4015H(1); LAB4020H(1); LAB4025H(1); LAB4030H(1); LAB4035H(1); LAB4040H(1); LAB4045H(1); LAB4050H(1); LAB4055H(1); LAB4005N(1); LAB4010N(1); LAB4015N(1); LAB4020N(1); LAB4025N(1); LAB4030N(1); LAB4035N(1); LAB4040N(1); LAB4045N(1); LAB4050N(1); LAB4055N(1);	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	VIET NAM

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
33	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Gold Cylinder	SGC45BL(1); SGC55BL(1); SGC45SL(1); SGC55SL(1); SGC4812(1); SGC6012(1);	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	VIET NAM
34	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Metal Cylinder	SGC45CSL(1); SGC55CSL(1); SGC45CBL(1); SGC55CBL(1);	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	VIET NAM
35	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Screw comfort Cap	SCC45T(1); SCC55T(1);	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	VIET NAM
36	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Scan comfort Cap	ISC45ST(1); ISC55ST(1); ISC45BT(1); ISC55BT(1);	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	VIET NAM

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
				PE)			
37	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Ball Socket	BFS1;	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	VIET NAM
38	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Female socket	BFS2; BFS3;	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	VIET NAM
39	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Metal Housing	BFS10;	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	VIET NAM
40	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Angled Overdenture Screw	GAOSC1619;	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu:	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành	VIET NAM

STT	Tên thiết bị y tế	Chủng loại	Mã sản phẩm (Nếu có)	Quy cách đóng gói (Nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất	Nước sản xuất
				PET+AL+LLD PE)		phố Đà Nẵng	
41	Thân răng nhân tạo dùng trong nha khoa (Dòng SuperLine)	Plastic Temporary	RAB45PNL(1); RAB50PNL(1); RAB55PNL(1); RAB60PNL(1); RAB65PNL(1);	Đóng gói sản phẩm vào lọ nhựa, sau đó đóng gói vào túi kín (túi làm từ vật liệu: PET+AL+LLD PE)	CÔNG TY TNHH ICT VINA	Lô A18-1, A19, Đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	VIET NAM